

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2022.
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Giao Hưng;
2. Ông Hoàng Văn Tâm;

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Nhi

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Nam tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Viết Diệu Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 01/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **ông N.T.C – sinh năm 1965 (vắng mặt)**

HKTT: nhóm 1, thôn D.C., xã H.T., huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: **bà P.T.T – sinh năm 1972 (vắng mặt)**

Địa chỉ: nhóm 1, thôn D.C., xã H.T., huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông N.T.C trình bày: ông và bà P.T.T chung sống với nhau từ năm 2000,

ông và bà P.T.T có đăng ký kết hôn tại UBND xã H.T. vào ngày 07/01/2000. sau khi kết hôn ông và bà P.T.T chung sống với nhau tại nhóm 1, thôn D.C., xã H.T., huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống ông và bà P.T.T có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do bà T thích đánh bài bạc, ông phải lo lắng nuôi con, còn phải còng lưng trả nợ, ông và bà P.T.T ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, mạnh ai nấy ở, không ai can thiệp vào cuộc sống của ai. Ông đã về lại nhà phía mẹ đẻ ông tại thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận sống từ năm 2010 đến nay. Hiện nay nợ nần đã giải quyết xong hết nên ông yêu cầu được ly hôn với bà P.T.T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên N.T.C.L (sinh năm 2002) con đã thành niên, sức khỏe và nhận thức bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết bị đơn là bà P.T.T không đến Tòa trình bày ý kiến mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần

Vụ án không tiến hành hòa giải do bị đơn bà P.T.T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N.T.C, cho ông N.T.C được ly hôn với bà P.T.T;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông N.T.C nộp đơn xin ly hôn với bà P.T.T (Cư trú tại: thôn D.C., xã H.T., huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: nguyên đơn là ông N.T.C và bị đơn là bà P.T.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tại phiên tòa sơ thẩm ông N.T.C và bà P.T.T đều vắng mặt. Ông N.T.C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà P.T.T vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được tổng đạt và triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] về quan hệ hôn nhân: Với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống; hai bên đã không còn chung sống từ năm 2010 đến nay.

Như vậy, có thể khẳng định rằng tình trạng hôn nhân giữa ông N.T.C và bà P.T.T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông N.T.C.

[3.2] Về con chung: ông bà có 01 con chung N.T.C.L (sinh năm 2002) hiện nay con đã thành niên nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nghĩa vụ chung: không xem xét.

[3] Về án phí: Ông N.T.C chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144, và Điều 266, 267, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N.T.C, ông N.T.C được ly hôn với bà P.T.T.

* **Về án phí:** Ông N.T.C chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số N⁰ 0000125 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Ông N.T.C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- đương sự
- VKSND Hàm Thuận Nam
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- THADS Hàm Thuận Nam
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Thúy Vũ